

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về công tác đăng kiểm tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm và tàu lặn mang cờ quốc tịch Việt Nam.

2. Các tàu biển phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức đăng kiểm là tổ chức hoạt động dịch vụ đăng kiểm công trình biển, bao gồm: Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy và công trình biển (VIREN); Tổ chức đăng kiểm nước ngoài ký thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Thiết kế tàu biển là các bản vẽ và tài liệu được thiết lập theo quy định của quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nhằm phục vụ cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa và khai thác tàu biển.

3. Tài liệu hướng dẫn tàu biển là tài liệu được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để sử dụng trên tàu biển nhằm chỉ dẫn thuyền viên trong khai thác, vận hành tàu biển và các máy, trang thiết bị của tàu biển đáp ứng các yêu cầu về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển.

4. Đánh giá là hoạt động bao gồm xem xét hồ sơ tài liệu và kiểm tra thực tế để xác nhận hệ thống quản lý của đối tượng được đánh giá được thiết lập và thực thi phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Tuyến quốc tế là tuyến hành trình của tàu biển từ một cảng của Việt Nam đến cảng của nước ngoài hoặc ngược lại.

6. Kiểm định tàu biển là việc kiểm tra, đo đạc, thử nghiệm tàu và trang thiết bị lắp đặt trên tàu nhằm mục đích xác nhận tàu biển thỏa mãn các quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với mục đích sử dụng của tàu biển.

7. Kiểm định tàu biển từ xa là quá trình đăng kiểm viên không có mặt trên tàu, phối hợp với thuyền viên của tàu, sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương pháp khác để xác định điều kiện kỹ thuật của tàu biển trong thực tế vẫn đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường phù hợp cho mục đích hoạt động của tàu biển.

8. Thẩm định thiết kế tàu biển là việc kiểm tra, soát xét thiết kế tàu biển để đưa ra kết luận về việc tuân thủ của thiết kế tàu biển với yêu cầu của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển là việc kiểm tra, soát xét để khẳng định tài liệu hướng dẫn thỏa mãn các quy định của pháp luật, của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

10. Công-te-nơ là công-te-nơ theo định nghĩa tại khoản 1 Điều II của Công ước quốc tế về an toàn công-te-nơ (Công ước CSC) năm 1972 của IMO.

11. Sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển là vật liệu, máy và các trang thiết bị được lắp đặt và sử dụng trên tàu biển.

Điều 4. Nội dung công tác đăng kiểm tàu biển

1. Thẩm định thiết kế tàu biển.

2. Duyệt các tài liệu hướng dẫn tàu biển.

3. Kiểm định, phân cấp, cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và khai thác sử dụng.

4. Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển.

5. Kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển.

6. Cấp giấy chứng nhận thợ hàn tàu biển theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển.

7. Ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam.

8. Giám định trạng thái kỹ thuật phục vụ việc mua, bán, thuê tàu biển; điều tra sự cố, tai nạn tàu biển theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo đề nghị của chủ tàu biển; người mua, bán, thuê tàu biển.

Điều 5. Các loại hình kiểm định tàu biển

1. Các loại hình kiểm định tàu biển bao gồm:

a) Kiểm định lần đầu, bao gồm: kiểm tra, giám sát kỹ thuật tàu biển đóng mới, tàu biển nhập khẩu.

b) Kiểm định chu kỳ, bao gồm: kiểm định định kỳ, kiểm định trung gian, kiểm định trên đà, kiểm định hàng năm.

c) Kiểm định bất thường.

2. Nội dung và thời hạn của các loại hình kiểm định tàu biển theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Trong các trường hợp: hạn chế tiếp cận tàu biển vì lý do dịch bệnh, thiên tai, xung đột vũ trang; cơ sở sửa chữa không thể bố trí tiếp nhận tàu biển; tàu biển không có điều kiện đến nơi được chỉ định để kiểm định, tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm định tàu biển trực tiếp hoặc từ xa nhằm xác định điều kiện kỹ thuật của tàu biển vẫn đảm bảo an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường để kéo dài thời hạn giấy chứng nhận của tàu biển theo quy định.

Điều 6. Hồ sơ đăng kiểm cấp cho tàu biển

1. Tàu biển không hoạt động tuyến quốc tế được cấp hồ sơ đăng kiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tàu biển hoạt động tuyến quốc tế được cấp hồ sơ đăng kiểm theo quy định

của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Hồ sơ đăng kiểm cấp cho tàu biển bao gồm:

a) Các giấy chứng nhận, sổ, tài liệu hướng dẫn an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Các báo cáo kiểm định tàu biển được tổ chức đăng kiểm cấp sau khi hoàn thành kiểm định.

4. Biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ, tài liệu hướng dẫn an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

a) Các giấy chứng nhận, sổ, tài liệu hướng dẫn an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường được cấp theo quy định của pháp luật Việt Nam thì áp dụng các biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Các giấy chứng nhận, sổ, tài liệu hướng dẫn an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO mà Việt Nam là thành viên, thì áp dụng biểu mẫu do tổ chức đăng kiểm biên soạn theo quy định của các công ước quốc tế của IMO mà Việt Nam là thành viên.

c) Trường hợp tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền phân cấp cho tàu biển Việt Nam thì áp dụng biểu mẫu do tổ chức đăng kiểm nước ngoài biên soạn theo quy phạm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài.

d) Các giấy chứng nhận, sổ, tài liệu hướng dẫn an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, báo cáo kiểm định được cấp theo phương thức điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và hướng dẫn của IMO.

Bản điện tử của các giấy chứng nhận, sổ, tài liệu hướng dẫn an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, báo cáo kiểm định có giá trị như bản giấy.

Điều 7. Giá, phí, lệ phí đăng kiểm

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị VIRES thực hiện kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam có trách nhiệm thanh toán các khoản phí, lệ phí, giá dịch vụ đăng kiểm theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức đăng kiểm nước ngoài thực hiện kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam có trách nhiệm thanh toán các chi phí dịch vụ đăng kiểm theo quy định của tổ chức đăng kiểm nước ngoài.

Chương II

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, DUYỆT TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TÀU BIỂN

Điều 8. Thẩm định thiết kế tàu biển

1. Thiết kế tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ thiết kế tàu biển theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên áp dụng đối với tàu biển được thiết kế và nộp hồ sơ thiết kế tàu biển bằng hình thức phù hợp đến tổ chức đăng kiểm.

3. Tổ chức đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ thiết kế tàu biển, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả thẩm định thiết kế.

4. Tổ chức đăng kiểm tiến hành thẩm định thiết kế. Sau khi hoàn thành thẩm định thiết kế, tổ chức đăng kiểm thông báo kết quả thẩm định thiết kế và đóng dấu thẩm định vào hồ sơ thiết kế.

5. Tàu biển thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tổ chức đăng kiểm thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo đúng phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

6. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định thiết kế tàu biển trực tiếp tại tổ chức đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 9. Duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển

1. Tài liệu hướng dẫn tàu biển phải thỏa mãn quy định có liên quan của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, đối với tàu biển hoạt động tuyến quốc tế, còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ tài liệu hướng dẫn tàu biển theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và điều ước quốc tế, quy phạm của tổ chức đăng kiểm áp dụng đối với tàu biển và nộp hồ sơ bằng hình thức phù hợp đến tổ chức đăng kiểm.

3. Tổ chức đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ tài liệu hướng dẫn tàu biển, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả xét duyệt.

4. Tổ chức đăng kiểm tiến hành kiểm tra, xem xét hồ sơ tài liệu hướng dẫn tàu biển. Sau khi hoàn thành, tổ chức đăng kiểm đóng dấu xác nhận duyệt tài liệu hướng dẫn và thông báo cho tổ chức, cá nhân.

5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển trực tiếp tại tổ chức đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương III

KIỂM ĐỊNH, CẤP HỒ SƠ ĐĂNG KIỂM CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM

Điều 10. Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển

1. Tàu biển Việt Nam phải thỏa mãn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển, quy phạm của tổ chức đăng kiểm. Ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các quy định của điều ước quốc tế áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Khi có nhu cầu, chủ tàu biển liên hệ bằng hình thức phù hợp tới tổ chức đăng kiểm để thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm định tàu biển.

3. Sau khi tiến hành kiểm định tàu biển, tổ chức đăng kiểm cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển theo quy định.

4. Tàu biển thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tàu biển, thực hiện kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy tàu biển trong khai thác sử dụng theo đúng phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

5. Chủ tàu biển nhận kết quả trực tiếp tại tổ chức đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương IV

ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM KIỂM ĐỊNH, PHÂN CẤP, DUYỆT CÁC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VÀ CẤP CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN KỸ THUẬT VỀ AN TOÀN HÀNG HẢI VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM

Điều 11. Nguyên tắc thực hiện ủy quyền

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam.

2. Khi có nhu cầu, chủ tàu biển đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam phù hợp quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam hoặc quy phạm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của quy phạm phân cấp tàu biển của tổ chức đăng kiểm nước ngoài không được thấp hơn các yêu cầu tương ứng của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Việc ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp giấy chứng nhận cho tàu biển Việt Nam được thực hiện theo các nội dung sau đây:

a) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận phân cấp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển hoặc quy phạm của tổ chức đăng kiểm;

b) Kiểm định, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam;

c) Kiểm định, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 12. Thủ tục cấp văn bản ủy quyền

1. Hồ sơ đề nghị ủy quyền bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới (trường hợp nộp hồ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến).

2. Chủ tàu biển hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn chủ tàu biển để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến), hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

4. Sau khi tiến hành xem xét hồ sơ: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, nếu kết quả đạt yêu cầu, thì Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp văn bản ủy quyền theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; nếu kết quả không đạt yêu cầu thì trả lời chủ tàu biển bằng văn bản.

5. Chủ tàu biển nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ THỬ NGHIỆM, CUNG CẤP

DỊCH VỤ KIỂM TRA, THỦ TRƯỞNG THIẾT BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ CHẾ TẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT, PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN

Điều 13. Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thủ trữ thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển

1. Cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thủ trữ thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển phải thỏa mãn các quy định liên quan của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển (sau đây gọi tắt là cơ sở). Ngoài ra, cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thủ trữ thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đánh giá năng lực

a) Cơ sở lập bộ tài liệu bao gồm bản sao sổ tay chất lượng và các quy trình làm việc theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và nộp bằng hình thức phù hợp đến tổ chức đăng kiểm.

b) Tổ chức đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu kết quả xem xét hồ sơ hợp lệ thì thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian đánh giá thực tế tại cơ sở.

c) Sau khi tiến hành đánh giá, tổ chức đăng kiểm cấp báo cáo đánh giá năng lực cho cơ sở.

d) Cơ sở nhận báo cáo đánh giá năng lực trực tiếp tại tổ chức đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thủ tục cấp, xác nhận Giấy chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thủ trữ thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận năng lực bao gồm:

(i) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá năng lực cơ sở của tổ chức đăng kiểm (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Cơ sở hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.

c) Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn người nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành xem xét hồ sơ.

d) Sau khi xem xét, nếu kết quả đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp hoặc xác nhận Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam để công bố danh sách các cơ sở đủ năng lực trên Trang thông tin điện tử.

Nếu kết quả xem xét không đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm phải có văn bản gửi cơ sở nêu rõ lý do không đạt trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ.

đ) Cơ sở nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương VI

KIỂM ĐỊNH, CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO CÔNG-TE-NƠ VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO TÀU BIỂN

Điều 14. Kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển

1. Công-te-nơ, sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn công-te-nơ, phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển hoặc quy phạm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài. Ngoài ra, công-te-nơ, sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức, cá nhân lập bộ hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật và bản sao các báo cáo kiểm tra, thử công-te-nơ, sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển và nộp hồ sơ bằng hình thức phù hợp đến tổ chức đăng kiểm.

3. Tổ chức đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm định thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

4. Sau khi tiến hành kiểm định, nếu kết quả đạt yêu cầu, tổ chức đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại tổ chức đăng kiểm hoặc hình thức

phù hợp khác.

Chương VII

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN TÀU BIỂN

Điều 15. Cấp giấy chứng nhận thợ hàn tàu biển

1. Thợ hàn tàu biển được cấp giấy chứng nhận phải thỏa mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển.

2. Kiểm tra tay nghề thợ hàn tàu biển

a) Tổ chức, cá nhân lập danh sách người lao động cần kiểm tra tay nghề thợ hàn tàu biển và nộp bằng hình thức phù hợp tới tổ chức đăng kiểm.

b) Tổ chức đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra tay nghề thợ hàn.

c) Sau khi kiểm tra tay nghề thợ hàn thực tế, nếu kết quả kiểm tra tay nghề đạt yêu cầu, tổ chức đăng kiểm cấp báo cáo kiểm tra tay nghề thợ hàn thực tế.

d) Tổ chức, cá nhân nhận kết quả kiểm tra tay nghề thợ hàn trực tiếp tại tổ chức đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thợ hàn tàu biển

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn tàu biển bao gồm:

(i) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) 01 (một) bản sao báo cáo kiểm tra tay nghề thợ hàn tàu biển thực tế của người đề nghị được cấp giấy chứng nhận thợ hàn tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến); hoặc giấy chứng nhận thợ hàn còn hiệu lực do tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp.

(iii) 01 (một) ảnh màu cỡ 3 x 4 cm của người đề nghị được cấp giấy chứng nhận thợ hàn tàu biển chụp trong thời gian không quá 06 tháng (mặt sau của ảnh có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).

b) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.

c) Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn người nộp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

d) Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc công dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương VIII

ĐĂNG KIỂM TÀU BIỂN CÔNG VỤ, TÀU NGẦM, TÀU LẶN

Điều 16. Đăng kiểm tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn

1. Công tác đăng kiểm tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tàu biển công vụ được kiểm định trên đà như đối với tàu hàng, kiểm tra tháo mở động cơ máy chính theo hướng dẫn của nhà sản xuất động cơ.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam và các Chi cục Đăng kiểm

1. Tổ chức, quản lý thống nhất việc thực hiện công tác đăng kiểm tàu biển Việt Nam theo quy định của Thông tư này.

2. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn kỹ thuật, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, an toàn hàng hải liên quan đến tàu biển.

3. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành tiêu chuẩn đăng kiểm viên tàu biển; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, đánh giá, công nhận đăng kiểm viên tàu biển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

4. Ủy quyền, hướng dẫn tổ chức đăng kiểm thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam; xem xét, chấp thuận việc miễn giảm, thay thế tương đương, gia hạn kiểm định, cấp phép đi một chuyến theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Định kỳ, đột xuất kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm của tổ chức đăng kiểm.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động đăng kiểm tàu biển Việt Nam và quản lý dữ liệu liên quan; báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu và kết quả thực hiện công tác đăng kiểm tàu biển theo quy định.

7. Ký thỏa thuận với tổ chức đăng kiểm nước ngoài theo quy định của Luật về các tổ chức được công nhận (RO Code) của IMO; thông báo danh sách các tổ chức

đăng kiểm được ủy quyền tại Hệ thống thông tin vận tải biển tích hợp toàn cầu (GISIS) của IMO.

Điều 18. Trách nhiệm của Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy và công trình biển

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ đăng kiểm cho tàu biển Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và chức năng, nhiệm vụ được giao. Giám đốc Trung tâm và đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện dịch vụ đăng kiểm chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, kiểm định, phân cấp, duyệt tài liệu hướng dẫn và cấp giấy chứng nhận.

2. Duy trì năng lực cung cấp dịch vụ đăng kiểm phù hợp trên địa bàn hoạt động của đội tàu biển Việt Nam; trường hợp do yếu tố khách quan không thể trực tiếp cung cấp dịch vụ đăng kiểm, phải có trách nhiệm liên hệ tổ chức đăng kiểm nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam và phối hợp với tổ chức, cá nhân liên quan đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài đó kiểm định, phân cấp, cấp các giấy chứng nhận cho tàu biển theo quy định.

3. Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 hoặc tương đương. Công khai quy trình cung cấp dịch vụ đăng kiểm, giá dịch vụ đăng kiểm và thời gian làm việc theo quy định.

4. Phân công đăng kiểm viên thực hiện kiểm định theo đúng trình độ và năng lực ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5. Thực hiện hoạt động đăng kiểm tàu biển một cách khách quan, phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ và đúng pháp luật.

6. Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ đăng kiểm tàu biển; quản lý thông tin, dữ liệu liên quan dịch vụ đăng kiểm cung cấp cho tàu biển Việt Nam và báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ đăng kiểm tàu biển theo quy định.

7. Quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm, thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với viên chức, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm của đơn vị.

8. Thực hiện đăng kiểm các tàu biển quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Nộp phí, lệ phí theo quy định.

10. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đăng kiểm của cơ quan chức năng.

11. Chấp hành các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài

1. Thực hiện kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo ủy quyền cho tàu biển Việt Nam theo đúng

quy định của pháp luật Việt Nam, quy phạm của tổ chức đăng kiểm và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận của mình.

2. Tuân thủ đầy đủ quy định của Luật RO và thỏa thuận ký kết với Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng kiểm của cơ quan chức năng theo quy định.

4. Chấp hành các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ tàu biển, cơ sở thiết kế, đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển

1. Chủ tàu biển có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định về đăng kiểm tàu biển khi tàu biển được chế tạo mới, nhập khẩu, hoán cải, sửa chữa và trong quá trình hoạt động;

b) Duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu biển theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Chuẩn bị và đảm bảo các điều kiện an toàn cho công việc kiểm tra đăng kiểm;

d) Hoạt động kiểm tra đăng kiểm không làm thay đổi công việc cũng như không thay thế cho trách nhiệm của chủ tàu biển về kiểm tra nghiệm thu chất lượng chế tạo mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển.

2. Cơ sở thiết kế tàu biển phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm của tổ chức đăng kiểm và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong quá trình thiết kế; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm thiết kế mà mình lập; việc thẩm định, phê duyệt thiết kế của tổ chức đăng kiểm không thay thế hay giảm nhẹ trách nhiệm của cơ sở thiết kế đối với chất lượng thiết kế.

3. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển thực hiện chế tạo mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được tổ chức đăng kiểm thẩm định, phê duyệt; Chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng vật liệu, trang thiết bị, máy móc, hệ thống lắp đặt trên tàu biển, tính đồng bộ, an toàn và độ tin cậy kỹ thuật của tàu biển do mình sản xuất.

4. Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật liên quan về năng lực kỹ thuật trong lĩnh vực thực hiện, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản thử, báo cáo thử và các giấy chứng nhận, thông báo kết quả kiểm tra, thử do mình phát hành làm cơ sở để tổ chức đăng kiểm cấp các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.
2. Các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT tiếp tục có hiệu lực đến ngày hết hiệu lực của các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đó hoặc được cấp lại do có thay đổi.

3. Bãi bỏ:

a) Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

b) Điều 10 Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

c) Điều 1 Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển.

d) Khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

đ) Chương III của Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 22;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);

BỘ TRƯỞNG

- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Báo XD, Tạp chí XD;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD(5).

Trần Hồng Minh

Phụ lục**MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KIỂM TÀU BIỂN**

(Ban hành theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu
1	Đề nghị ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam	Mẫu số 01
2	Văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam	Mẫu số 02
3	Đề nghị cấp/ xác nhận giấy chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển	Mẫu số 03
5	Đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn	Mẫu số 04
6	Giấy chứng nhận phân cấp	Mẫu số 05
7	Giấy chứng nhận phân cấp sàn nâng tàu	Mẫu số 06
7	Giấy chứng nhận phù hợp đi một chuyến	Mẫu số 07
8	Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị	Mẫu số 08
9	Giấy chứng nhận mạn khô	Mẫu số 09
10	Giấy chứng nhận dung tích	Mẫu số 10
11	Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu	Mẫu số 11
12	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giằng, tời và các chi tiết	Mẫu số 12
13	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giằng, tời và các chi tiết, làm việc ghép đôi	Mẫu số 13
14	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục trụ xoay hoặc máy nâng và các chi tiết	Mẫu số 14
15	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra thang máy/cầu xe và các chi tiết	Mẫu số 15
16	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra các chi tiết tháo được	Mẫu số 16
17	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra dây cáp thép	Mẫu số 17

18	Sổ đăng ký thiết bị nâng và chi tiết tháo được của tàu biển	Mẫu số 18
19	Giấy chứng nhận an toàn tàu khách	Mẫu số 19
20	Giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc	Mẫu số 20
21	Giấy chứng nhận duy trì cấp tàu	Mẫu số 21
22	Giấy chứng nhận phù hợp cho hoạt động kéo	Mẫu số 22
23	Giấy chứng nhận thử lực kéo tại móc	Mẫu số 23
24	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường du thuyền	Mẫu số 24
25	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển cỡ nhỏ	Mẫu số 25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM KIỂM ĐỊNH, PHÂN
CẤP, DUYỆT CÁC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VÀ CẤP CÁC GIẤY CHỨNG
NHẬN KỸ THUẬT VỀ AN TOÀN HÀNG HẢI VÀ PHÒNG NGỪA Ô
NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Chủ tàu biển/Công ty tàu biển:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax/email:

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm:

Thực hiện kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển dưới đây:

Tên tàu:

Cảng đăng ký:

Số đăng ký:

Số IMO:

Hồ hiệu:

Tổng dung tích (GT):

Nội dung đề nghị ủy quyền:

.....
.....
.....

**XÁC NHẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)**

**CHỦ TÀU BIỂN/CÔNG TY TÀU BIỂN
(Ký tên, đóng dấu)**

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số
Ref. No.

Địa điểm Ngày
Place Date

**VĂN BẢN ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM
KIỂM ĐỊNH, PHÂN CẤP, DUYỆT CÁC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VÀ CẤP CÁC GIẤY
CHỨNG NHẬN KỸ THUẬT VỀ AN TOÀN HÀNG HẢI VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM
MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM**

AUTHORIZATION LETTER FOR FOREIGN RECOGNIZED ORGANIZATION TO CARRY OUT
SURVEY, CLASSIFICATION, APPROVAL OF TECHNICAL INSTRUCTIONS AND ISSUANCE OF
SAFETY AND ENVIRONMENT POLLUTION PREVENTION CERTIFICATES FOR VIETNAM SEA-
GOING SHIP

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
DIRECTOR GENERAL OF VIETNAM REGISTER

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015,
Pursuant to the Vietnam Maritime Code 2015,

Xét Đề nghị số:
Having considered Application No.:

ngày
dated

của:
of:

ỦY QUYỀN:
AUTHORIZES:

Thực hiện việc kiểm định, phân cấp, duyệt các tài liệu hướng dẫn và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển dưới đây:

To carry out survey, classification, approval of technical instructions and issuance of safety and environment pollution prevention certificates to the following ship:

Tên tàu (Ship's Name): Cảng đăng ký (Port of Registry):

Số đăng ký (Registry Number): Số IMO (IMO Number):

Hồ hiệu (Call Sign): Tổng dung tích (GT):

Chủ tàu biển (Owner):

Công ty tàu biển (Company):

TT No.	Phạm vi ủy quyền Scope of authorization	Quy chuẩn, quy phạm, tiêu chuẩn, công ước áp dụng Applicable regulations, rules, standards, conventions

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL
(Ký tên, đóng dấu)
(Sign, stamp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ NGHỊ CẤP/ XÁC NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ
THỬ NGHIỆM, CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM TRA, THỬ TRANG THIẾT
BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ CHẾ TẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN
TOÀN KỸ THUẬT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TÀU
BIỂN**

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Đề nghị cấp/ xác nhận giấy chứng nhận năng
lực cơ sở thử nghiệm/cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn/cơ
sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi
trường tàu biển⁽¹⁾ (sau đây gọi là “cơ sở”) dưới đây:

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại:..... Fax: Email:.....

Các dịch vụ/sản phẩm⁽¹⁾ do cơ sở cung cấp/chế tạo⁽¹⁾:

.....

Báo cáo đánh giá tại cơ sở:

được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
 (Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Gạch bỏ nếu không phù hợp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax: Email:

Đề nghị..... cấp giấy chứng nhận thợ hàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cho những người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Mã số thợ hàn (nếu có)	Số điện thoại/ Email	Đơn vị công tác (nếu có)

Báo cáo kiểm tra tay nghề thực tế và 01 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo đề nghị này./.

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP**
CLASSIFICATION CERTIFICATECấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
Issued under the provisions of the National Technical Regulation

Tên tàu: _____ Name of Ship	Số phân cấp: _____ Class Number
Kiểu tàu: _____ Type of Ship	Cảng đăng ký: _____ Port of Registry
Quốc tịch: _____ Flag	Tổng dung tích: _____ Gross Tonnage
Số IMO: _____ IMO Number	Năm và nơi đóng: _____ Year and Place of Build

Chủ tàu: _____
ShipownerCăn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn.
Do đó tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

This is to certify that as a result of the survey performed, the ship, her equipment and arrangements are found to be in compliance with the requirements of the Regulations. The class with the following notation is assigned/renewed(*) to the ship:

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày _____ với điều kiện phải có xác nhận hàng năm phù hợp với Quy chuẩn.
This Certificate is valid until _____ subject to annual confirmation in accordance with the Regulations.Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**(*) Gạch bỏ khi không thích hợp.
Delete as appropriate.

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ NHẤT
FIRST ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place
Ngày:
Date

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ HAI/TRUNG GIAN*
SECOND ANNUAL/INTERMEDIATE* CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place
Ngày:
Date

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ BA/TRUNG GIAN*
THIRD ANNUAL/INTERMEDIATE* CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place
Ngày:
Date

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ TƯ
FOURTH ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place
Ngày:
Date

NHỮNG LƯU Ý VÀ HẠN CHẾ TẠM THỜI
TEMPORARY RESTRICTIONS AND REMARKS

.....
.....

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**SỐ:
No.**GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP SÀN NÂNG TÀU**
CLASSIFICATION CERTIFICATE FOR SHIP LIFT PLATFORMCấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 57: 2015/BGTVT
Issued under the provisions of National Technical Regulation QCVN 57: 2015/BGTVT

Tên sàn nâng: _____	Số phân cấp: _____
Name of Ship Lift Platform	Class Number
Chiều dài: _____	Chiều rộng: _____ (m)
Length	Breadth
Chiều dài hiệu dụng: _____ (m)	Sức nâng lớn nhất: _____ (t)
Effective docking length	Maximum lifting capacity
Sức nâng danh nghĩa: _____ (t)	
Nominal lifting capacity	
Năm và nơi đóng: _____	
Year and Place of Build	
Chủ sàn nâng: _____	
Owner	

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng sàn nâng này và các trang thiết bị của sàn nâng thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng sàn nâng tàu (QCVN 57: 2015/BGTVT), do đó sàn nâng được nhận cấp/ phục hồi cấp (*) với ký hiệu dưới đây:

This is to certify that as a result of the survey performed the Ship lift platform, its equipment and arrangements are found to be in compliance with the requirements of National Technical Regulation on the Classification and Construction of Ship lift platform (QCVN 57: 2015/BGTVT), based on which class with the following notation is assigned/renewed(*) to the Ship Lift Platform:



Các hạn chế thường xuyên: _____

Permanent restrictions

Các đặc tính khác: _____

Other characteristics

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày _____ với điều kiện phải có xác nhận hàng năm phù hợp với Quy chuẩn.

This Certificate is valid until _____ Subject to annual confirmation in accordance with the Regulation.

Cấp tại _____ Ngày _____

Issued at _____ Date _____

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

(*) Gạch bỏ khi không thích hợp.
Delete as appropriate

XÁC NHẬN CẤP SÀN NÂNG TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ NHẤT
FIRST ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp sàn nâng được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed.

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place

Ngày:
Date

XÁC NHẬN CẤP SÀN NÂNG TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ HAI
SECOND ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp sàn nâng được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed.

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place

Ngày:
Date

XÁC NHẬN CẤP SÀN NÂNG TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ BA
THIRD ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp sàn nâng được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed.

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place

Ngày:
Date

XÁC NHẬN CẤP SÀN NÂNG TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ TƯ
FOURTH ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp sàn nâng được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the class is confirmed.

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place

Ngày:
Date

NHỮNG LƯU Ý VÀ HẠN CHẾ TẠM THỜI
TEMPORARY RESTRICTIONS AND REMARKS

Chú ý: Giấy chứng nhận này mất hiệu lực trong các trường hợp sau: Giấy chứng nhận hết hạn; Sau tai nạn mà sàn nâng không báo kiểm tra; Khi vi phạm vùng hoạt động hoặc chất tải quá sức nâng của sàn; Khi sàn nâng không tuân theo các yêu cầu hoặc hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Notes: The Certificate shall cease to be valid in the following cases: After the expiry of terms; After an accident, unless it is submitted to a survey; If violating the specified area of navigation or loading the platform exceeding its lifting capacity; If requirements or instructions of Vietnam Register have not been complied with.

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP ĐI MỘT CHUYẾN**
CERTIFICATE OF COMPLIANCE FOR SINGLE VOYAGECấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:
Issued under the provisions of the National Technical Regulation:

Tên tàu: _____ Name of Ship	Số phân cấp: _____ Class Number
Kiểu tàu: _____ Type of Ship	Quốc tịch: _____ Flag
Cảng đăng ký: _____ Port of Registry	Tổng dung tích: _____ Gross Tonnage
Chủ tàu: _____ Shipowner	

Căn cứ kết quả kiểm tra vỏ tàu, trang thiết bị, hệ thống máy, các hệ thống bơm và đường ống, trang bị điện, vô tuyến điện, trang bị hàng hải, phương tiện cứu sinh và tín hiệu, chứng nhận rằng tàu nói trên thỏa mãn đi một chuyến:

This is to certify that on the basis of the survey of hull, equipment, machinery installation, pumping and piping, electrical installation, radio equipment, navigation equipment, life - saving appliances and signal means, the above ship has been found fit for the single voyage:

Từ cảng: _____ From	Đến cảng: _____ To
------------------------	-----------------------

Với điều kiện thỏa mãn các yêu cầu sau đây:
Provided that the following requirements are fulfilled

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày _____
This Certificate is valid until _____

Cấp tại _____ Issued at	Ngày _____ Date
----------------------------	--------------------

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN TRANG THIẾT BỊ**
SHIP SAFETY EQUIPMENT CERTIFICATECấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Safety Equipment of Ships**Đặc điểm tàu:**

Particulars of ship

Tên tàu: _____	Số đăng ký hoặc Hô hiệu: _____
Name of Ship	Official Number or Call Sign
Cảng đăng ký: _____	Số phân cấp: _____
Port of Registry	Class Number
Chiều dài tàu: _____ (m)	Tổng dung tích: _____
Length of Ship	Gross Tonnage
Vùng hoạt động: _____	Số IMO: _____
Area of Navigation	IMO Number
Chủ tàu: _____	Ngày đặt sống chính: _____
Shipowner	Date on which keel was laid

Kiểu tàu:

Type of ship:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Tàu chở hàng rời
Bulk Carrier | <input type="checkbox"/> Tàu chở khí
Gas Carrier |
| <input type="checkbox"/> Tàu dầu
Oil Tanker | <input type="checkbox"/> Tàu chở hàng khác với các kiểu nêu trên
Cargo Ship other than any of the above |
| <input type="checkbox"/> Tàu chở hoá chất
Chemical Tanker | |

CHỨNG NHẬN RẰNG
THIS IS TO CERTIFY

- Tàu đã được kiểm tra phù hợp với các quy định quốc gia hiện hành về trang bị an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, trang bị vô tuyến điện, thiết bị hàng hải và phương tiện tín hiệu, và
That the ship has been surveyed in accordance with the National Regulations on safety, life saving, fire protection appliances, radio installations, navigational equipment and signal apparatus in force, and
- Đợt kiểm tra cho thấy rằng: Trạng thái các trang thiết bị an toàn nêu trên của tàu hoàn toàn thỏa mãn và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn.
That the survey showed that: The condition of the above mentioned safety equipment was in all respects satisfactory and that the ship complied with the requirements of the Regulation.

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày _____ với điều kiện phải tiến hành các đợt kiểm tra phù hợp.
This Certificate is valid until _____ subject to surveys in accordance with the Regulation.Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**☐ Đánh dấu nếu thích hợp.
Check if appropriate.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ KIỂM TRA CHU KỲ⁽¹⁾
ENDORSEMENT FOR ANNUAL/ PERIODICAL SURVEYS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.
 On the basis of the survey performed, the valid duration of this Certificate is confirmed

Kiểm tra hàng năm
 Annual survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ⁽¹⁾
 Annual/ periodical⁽¹⁾ survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ⁽¹⁾
 Annual/ periodical⁽¹⁾ survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

Kiểm tra hàng năm
 Annual survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

(1) Gạch bỏ khi không thích hợp.
 Delete as appropriate.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ CHU KỲ BỔ SUNG⁽¹⁾
ENDORSEMENT FOR ADDITIONAL ANNUAL/ PERIODICAL SURVEY

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.
On the basis of the survey performed, the valid duration of this Certificate is confirmed.

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ⁽¹⁾
Annual/ Periodical⁽¹⁾ survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
Place
Ngày:
Date

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN
ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE CERTIFICATE

Theo Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:

This Certificate shall, in accordance with the Regulations, be accepted as valid until:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:
Place
Ngày:
Date

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ÁN ĐỊNH KIỂM TRA
ENDORSEMENT FOR ADVANCEMENT OF ANNIVERSARY DATE

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:.....
In accordance with the Regulations, the new anniversary date is:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:
Place
Ngày:
Date

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:.....
In accordance with the Regulations, the new anniversary date is:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:
Place
Ngày:
Date

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN MẠN KHÔ

Cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn)

Tên tàu	Số đăng ký hoặc hô hiệu	Cảng đăng ký	Chiều dài (m)

Kiểu tàu*:

- Kiểu A
- Kiểu B
- Kiểu B có mạn khô giảm
- Kiểu B có mạn khô tăng

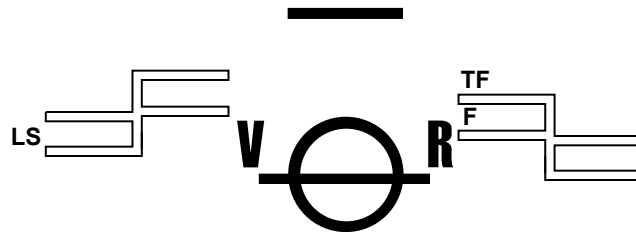
Mạn khô tính từ đường boong:**Đường nước chở hàng:**

Nhiệt đới: mm(T) mm cao hơn (S)

Mùa hè: mm(S) mm cao hơn (S) Tại mép trên của đường qua tâm vòng tròn

Chờ gỗ nhiệt đới: mm(LT) mm cao hơn (LS)

Chờ gỗ mùa hè: mm(LS) mm cao hơn (S)



Hiệu chỉnh nước ngọt cho tất cả các mạn khô trừ mạn khô chờ gỗ mm, cho mạn khô chờ gỗ mm

Mép trên của đường boong, từ đó đo các giá trị của mạn khô nói trên, là mm
..... mm tại mạn tàu.**CHỨNG NHẬN RẰNG**

Tàu đã được kiểm tra và xác nhận rằng mạn khô đã được ấn định và dấu mạn khô nêu trên đã được đánh dấu phù hợp với Quy chuẩn.

Giấy này có hiệu lực đến: với điều kiện phải tiến hành các đợt kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn

Cấp tại Ngày

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

(*) Gạch bỏ nội dung không thích hợp.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM

Chứng nhận rằng tại đợt kiểm tra theo Phần 1B của Quy chuẩn, tàu này đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.

Kiểm tra hàng năm lần thứ nhất:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

Kiểm tra hàng năm lần thứ hai:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

Kiểm tra hàng năm lần thứ ba:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

Kiểm tra hàng năm lần thứ tư:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

KIỂM TRA HÀNG NĂM THEO MỤC 1.1.4 PHẦN 1B

Chứng nhận rằng theo kết quả kiểm tra hàng năm theo Mục 1.1.4 Phần 1B Quy chuẩn, tàu đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.

Nơi kiểm tra:

(Tổ chức đăng kiểm)

Ngày:

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN THEO MỤC 1.1.5 PHẦN 1B

Theo Mục 1.1.5, Phần 1B của Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ÁN ĐỊNH KIỂM TRA KHI ÁP DỤNG MỤC 1.1.4 PHẦN 1B

Theo Mục 1.1.4 Phần 1B Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

Theo Mục 1.1.4 Phần 1B Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN DUNG TÍCH

Cấp theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đo dung tích tàu biển
(Áp dụng cho tàu có chiều dài nhỏ hơn 24 m)

Tên tàu	Số đăng ký hoặc Hô hiệu	Cảng đăng ký	Ngày đặt sống chính

CÁC KÍCH THƯỚC CHÍNH

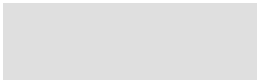
Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao mạn (m)

DUNG TÍCH CỦA TÀU

TỔNG DUNG TÍCH



DUNG TÍCH CÓ ÍCH



CHỨNG NHẬN RẰNG

Dung tích của tàu nói trên đã được đo phù hợp với quy định về đo dung tích cho tàu biển có chiều dài nhỏ hơn 24 m.

Cấp tại Ngày

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

CÁC KHÔNG GIAN TÍNH VÀO DUNG TÍCH TÀU		
TỔNG DUNG TÍCH		
Tên không gian	Vị trí	Chiều dài (m)
DUNG TÍCH CÓ ÍCH		
$NT = 0,3 \times GT$		
CHIỀU CHÌM LÝ THUYẾT (m) <hr/>		

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN NGĂN NGỪA Ô NHIỄM DẦU**
CERTIFICATE FOR OIL POLLUTION PREVENTION

(Tên Tổ chức đăng kiểm) cấp theo các điều khoản của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn).

Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Marine Pollution Prevention Systems of Ships (hereinafter referred to as the Regulation) by (Name of Recognized Organization).

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc Hô hiệu Official Number or Call Sign	Cảng đăng ký Port of Registry	Tổng dung tích Gross Tonnage

Kiểu tàu:

Type of ship:

- ☐ (*) Tàu dầu
Oil tanker
- ☐ (*) Tàu không phải là tàu dầu
Ship other than oil tanker

CHỨNG NHẬN RẰNG:

CERTIFY THAT

- Tàu nói trên đã được kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn, và
That the ship has been surveyed in accordance with the Regulation, and
- Kết quả kiểm tra cho thấy rằng kết cấu, các hệ thống và trang thiết bị, việc bố trí lắp đặt và vật liệu của tàu cũng như trạng thái của chúng hoàn toàn thỏa mãn và tàu phù hợp với mọi yêu cầu phải áp dụng theo Quy chuẩn.
That the survey shows that the structure, equipment, fittings, arrangements and material of the ship and the condition thereof are in all respects satisfactory and that the ship complies with the applicable requirements of the Regulation.

Giấy này có hiệu lực đến: _____ với điều kiện phải tiến hành các đợt kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn.
This Certificate is valid until: _____ subject to surveys in accordance with the Regulation.

Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

(*) Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM VÀ KIỂM TRA TRUNG GIAN
ENDORSEMENT FOR ANNUAL AND INTERMEDIATE SURVEYS

Chứng nhận rằng tại đợt kiểm tra theo Phần 2 của Quy chuẩn, tàu này đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.
 This is to certify that, at a survey required by Part 2 of the Regulation, the ship was found to comply with the relevant provisions of the Regulation.

Kiểm tra hàng năm - Annual survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

Kiểm tra hàng năm/ trung gian* - Annual/ intermediate* survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

Kiểm tra hàng năm/ trung gian* - Annual/ intermediate* survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

Kiểm tra hàng năm - Annual survey

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:
 Place
 Ngày:
 Date

(*) Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
 Delete as appropriate.

KIỂM TRA HÀNG NĂM/ TRUNG GIAN THEO MỤC 1.1.4 PHẦN 2
ANNUAL/ INTERMEDIATE SURVEY IN ACCORDANCE WITH PARAGRAPH 1.1.4 PART 2

Chứng nhận rằng theo kết quả kiểm tra hàng năm/ trung gian* theo Mục 1.1.4 Phần 2 Quy chuẩn, tàu đã thỏa mãn các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.

This is to certify that, at an annual/ intermediate* survey in accordance with Paragraph 1.1.4 Part 2 of the Regulation, the ship was found to comply with the relevant provisions of the Regulation.

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

(Tổ chức đăng kiểm)

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN THEO MỤC 1.1.5 PHẦN 2
ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE CERTIFICATE IN ACCORDANCE WITH PARAGRAPH 1.1.5 PART 2

Theo Mục 1.1.5, Phần 2 của Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:

This Certificate shall, in accordance with Paragraph 1.1.5, Part 2 of the Regulation, be accepted as valid until:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Place

Ngày:

Date

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ÁN ĐỊNH KIỂM TRA KHI ÁP DỤNG MỤC 1.1.4 PHẦN 2
ENDORSEMENT FOR ADVANCEMENT OF ANNIVERSARY DATE WHERE PARAGRAPH 1.1.4 PART 2 APPLIED

Theo Mục 1.1.4 Phần 2 Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:
In accordance with Paragraph 1.1.4 Part 2 of the Regulation, the new anniversary date is:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Place

Ngày:

Date

Theo Mục 1.1.4 Phần 2 Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:
In accordance with Paragraph 1.1.4 Part 2 of the Regulation, the new anniversary date is:

.....
(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Place

Ngày:

Date

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ VÀ TỔNG KIỂM TRA CẢN TRỤC DÂY GIẰNG, TÒI VÀ CÁC CHI TIẾT
CERTIFICATE OF TEST AND THOROUGH EXAMINATION OF DERRICKS, WINCHES AND THEIR
ACCESSORY GEAR**(TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG/CHU KỲ 5 NĂM*/ SAU HOÁN CẢI*/ THAY THẾ*/ SỬA CHỮA*)
(BEFORE BEING TAKEN INTO USE*/EVERY FIVE YEARS*/ AFTER ALTERATIONS*/ REPLACES*/ REPAIRS*)Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships

Tên tàu: Name of Ship	_____	Số đăng ký: Official Number	_____
Cảng đăng ký: Port of Registry	_____	Hồ hiệu: Call Sign	_____
Chủ tàu: Shipowner	_____		
Số phân cấp: Class Number	_____	Số IMO: IMO Number	_____

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tên gọi và vị trí đặt các máy và thiết bị (với số hiệu phân biệt hoặc nhãn, nếu có) được thử và tổng kiểm tra Situation and description of machinery and gear, (with distinguishing number or mark, if any) which have been tested and thoroughly examined	Góc nghiêng của cần khi nâng hàng so với đường nằm ngang (độ) Angle to the horizontal of derrick boom while the load applied (degrees)	Tải trọng thử (tấn) Test Load applied (tonnes)	Tải trọng làm việc an toàn (tấn) Safe working load (tonnes)	Góc nghiêng nhỏ nhất cho phép của cần so với đường nằm ngang (độ) Allowable minimum angle to the horizontal of derrick boom (degrees)	Lưu ý Remark

Tên đơn vị chứng kiến thử và thực hiện tổng kiểm tra: _____
Name of association witnessed testing and carried out making thorough examinationChứng nhận rằng vào ngày: _____
This is to certify that on the day of

các máy được liệt kê ở cột (1) ở trên đã được thử và tổng kiểm tra và không phát hiện thấy khiếm khuyết hoặc biến dạng cố định nào, và tải trọng làm việc an toàn như được nêu ở cột (4) ở trên.

the above gear shown in column (1) was tested and thoroughly examined and no defects or permanent deformation were found, and that the safe working load is as shown above column (4).

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: _____
This certificate is valid untilCấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**

39
HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS

1. Mỗi một cần cầu cùng với các chi tiết liên quan của thiết bị nâng hàng (kể cả tời, ắc đứng chân cần, các tai cần, bu lông tai cần hoặc những bộ phận khác) phải được thử với tải trọng thử lớn hơn tải trọng làm việc an toàn một trị số như sau:

Every derrick with the whole of the gear accessory thereto (including winch, goosenecks, eye plates, eye bolts or other attachments) shall be tested with a test load which shall exceed the safe working load as follows:

Tải trọng làm việc an toàn, SWL (tấn) Safe working load, SWL (tonnes)	Tải trọng thử, TL (tấn) Test load, TL (tonnes)
SWL < 20	1,25 x SWL
20 ≤ SWL < 50	SWL + 5
50 ≤ SWL < 100	1,1 x SWL
100 ≤ SWL	Do cơ quan đăng kiểm quy định - specified by Recognized Organization

2. Tải trọng thử phải được nâng khi cần được trang bị bình thường ở góc nghiêng so với đường nằm ngang không quá 15° đối với cần trục dây giăng có sức nâng nhỏ hơn hoặc bằng 10 tấn và 25° đối với cần trục dây giăng có sức nâng lớn hơn 10 tấn, hoặc góc nhỏ nhất cho phép tương ứng với tải trọng làm việc an toàn được duyệt, nếu không làm được như vậy thì phải để cần ở góc nghiêng thực tế nhỏ nhất có thể nghiêng được. Góc nghiêng khi thử phải được ghi vào cột (2) của Giấy chứng nhận. Phải quay cần đang mang tải trọng thử ra hai mạn tới vị trí xa nhất. Khi thử phải kiểm tra cả bộ phanh hãm.

The test load shall be lifted with the ship's normal tackle with the derrick at an angle, which should not be more than 15° to the horizontal for loads up to and including 10 tonnes and 25° for loads above 10 tonnes, or the allowable minimum angle approved in relation to the safe working load, or when these angles are impracticable, at the lowest practicable angle. The angle at which the test was made should be stated in column (2) of the certificate. After the test load has been lifted, it should be swung as far as possible in both directions. When carrying out test the safe working condition of the brakes should be verified.

3. Khi dự định sử dụng cần trục ở góc nghiêng nhỏ hơn góc nghiêng nhỏ nhất cho phép ghi ở cột (5), góc nghiêng này có thể được duyệt tương ứng với tải trọng làm việc nhỏ hơn. Góc nghiêng và tải trọng làm việc an toàn được duyệt như thế phải được ghi ở cột (6)

Where it is intended to use the derrick boom at an angle smaller than the allowable minimum angle as specified in column (5), this angle may be approved in relation to a smaller safe working load. In such a case, the angle and the safe working load so approved should be stated in column (6)

4. Theo nguyên tắc chung, việc thử tải sẽ được tiến hành bằng tải trọng thử, không được miễn giảm khi kiểm tra lần đầu. Trong trường hợp sửa chữa, phục hồi hoặc khi kiểm tra định kỳ buộc phải thử tải lại thì có thể được sử dụng lực kéo lò xo hoặc thủy lực với điều kiện là tải trọng làm việc cho phép của các cần cầu không quá 15 tấn. Lực kéo "lò xo hoặc thủy lực" được sử dụng phải được kiểm định và độ chính xác ở trong khoảng ± 2% và lực thử phải giữ được trong 5 phút. Phải chỉ rõ ở cột (3) nếu không sử dụng tải trọng thử bằng vật nặng.

As general rule, tests should be carried out using test loads, and no exemption should be allowed in the case of initial tests. In the case of repairs, replacements or when the periodical survey calls for a retest, consideration may be given to the use of spring or hydraulic balances provided the SWL of the lifting appliance does not exceed 15 tonnes. Where a spring or hydraulic balance is used it shall be calibrated and accurate to within ± 2 percents and the indicator should remain constant for 5 minutes. If test weights are not used this is to be indicated in column (3)

5. Sau khi thử bằng phương pháp nói trên, tất cả các máy và chi tiết của thiết bị nâng hàng phải được tổng kiểm tra để phát hiện các hư hỏng hoặc biến dạng dư do thử.

After being tested as above said, all lifting machinery, with the whole of the gear accessory thereto, shall be thoroughly examined to see whether any part has been injured or permanently deformed by the test.

6. Tải trọng cho phép ghi ở cột (4) chỉ được dùng cho cần đơn. Khi sử dụng hai cần làm việc "ghép đôi", tải trọng làm việc cho phép của chúng sẽ được ghi trong Giấy chứng nhận mẫu CG-2(U).

The safe working load shown in column (4) is applicable only to swinging (single) derrick systems. When using fixed derricks, such as "Union purchase" rig, the safe working load should be as shown on the certificate Form CG-2(U).

7. Khi thử các cần trục dây giăng có sức nâng lớn phải chú ý lắp ráp đầy đủ các dây giăng ngang và dọc thích hợp.

In the case of heavy lift derricks, care should be taken to ensure that the appropriate shrouds and stays are correctly rigged.

*Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ VÀ TỔNG KIỂM TRA CẢN TRỤC DÂY GIẪNG,
TỜI VÀ CÁC CHI TIẾT, LÀM VIỆC GHEP ĐÔI
CERTIFICATE OF TEST AND THOROUGH EXAMINATION OF DERRICKS,
WINCHES AND THEIR ACCESSORY GEAR, FOR OPERATION IN UNION PURCHASE**Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going ShipsGiấy chứng nhận này chỉ có giá trị khi nó được đính kèm theo mẫu CG.2 số: _____
This certificate is valid only if accompanied by form CG.2 No.: _____

Tên tàu: _____	Số đăng ký: _____
Name of Ship _____	Official Number _____
Cảng đăng ký: _____	Hồ hiệu: _____
Port of Registry _____	Call Sign _____
Chủ tàu: _____	
Shipowner _____	
Số phân cấp: _____	Số IMO: _____
Class Number _____	IMO Number _____

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tên gọi và vị trí đặt cản trục làm việc ghép đôi (với số hiệu phân biệt hoặc nhãn hiệu) được thử và tổng kiểm tra Situation and description of derricks used in union purchase (with distinguishing number or mark) which have been tested and thoroughly examined	Tải trọng thử (tấn) Test Load applied (tonnes)	Tải trọng làm việc an toàn (tấn) Safe working load (tonnes)	Góc nghiêng dây cáp lớn nhất (độ) Maximum fall angle (degrees)	Lưu ý: Chiều cao đĩa cầu tam giác lớn nhất trên boong (mét) Remark: Maximum height of triangle plate on deck (meters)
Bản vẽ đính kèm số: Drawing No. of attached plan				

Tên đơn vị chứng kiến thử và thực hiện tổng kiểm tra: _____
Name of association witnessed testing and carried out making thorough examinationChứng nhận rằng vào ngày: _____
This is to certify that on the day of

các máy được liệt kê ở cột (1) ở trên đã được thử và tổng kiểm tra và không phát hiện thấy khiếm khuyết hoặc biến dạng cố định nào, và tải trọng làm việc an toàn như được nêu ở cột (3) ở trên.

The above gear shown in column (1) was tested and thoroughly examined and no defects or permanent deformation were found, and that the safe working load is as shown above column (3).

Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**

41
HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS

1. Trước khi đưa vào sử dụng cần trục làm việc ghép đôi phải được thử với tải trọng lớn hơn tải trọng làm việc cho phép ghép đôi như sau:

Before being taken into use, the derricks rigged in union purchase shall be tested with a test load which shall exceed the safe working load S.W.L (U) as follows:

Tải trọng làm việc an toàn ghép đôi, SWL (tấn) Safe working load (U), SWL (tonnes)	Tải trọng thử, TL (tấn) Test load, TL (tonnes)
SWL < 20	1,25 x SWL
$20 \leq \text{SWL} < 50$	SWL + 5
$50 \leq \text{SWL}$	1,1 x SWL

2. Thử phải được thực hiện ở độ cao lớn nhất đã được duyệt so với miệng hầm hàng hoặc ở góc giữa các dây làm hàng với cần trục ở vị trí làm việc để chứng minh rằng sức bền của các tải buộc trên boong và hệ thống ghép đôi là bảo đảm. Chiều cao hoặc góc này không được vượt quá giá trị ghi trong bản vẽ lắp ghép cần trục.

Test are to be carried out at the approval maximum height of the triangle plate above the hatch coaming or at the angle between the cargo runners and with the derrick booms in their working positions, to prove the strength of deck eye plates and the union purchase system. These heights or angles must not exceed the values shown on the rigged plan.

3. Những cuộc thử phải được thực hiện bằng các tải trọng thử

Test should be carried out using test loads.

4. “Tấn” bằng 1000 kg.

The expression “tonne” shall mean a weight of 1,000 kg.

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ VÀ TỔNG KIỂM TRA CẦN TRỤC TRỤ XOAY
HOẶC MÁY NÂNG VÀ CÁC CHI TIẾT
CERTIFICATE OF TEST AND THOROUGH EXAMINATION OF CRANES
OR HOISTS AND THEIR ACCESSORY GEAR**(TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG*/ CHU KỲ 5 NĂM*/ SAU HOÁN CẢI*/ THAY THẾ*/ SỬA CHỮA*)
(BEFORE BEING TAKEN INTO USE*/ EVERY FIVE YEARS*/ AFTER ALTERATIONS*/ REPLACES*/ REPAIRS*)Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships

Tên tàu:	_____	Số đăng ký:	_____
Name of Ship	_____	Official Number	_____
Cảng đăng ký:	_____	Hồ hiệu:	_____
Port of Registry	_____	Call Sign	_____
Chủ tàu:	_____		
Shipowner	_____		
Số phân cấp:	_____	Số IMO:	_____
Class Number	_____	IMO Number	_____

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tên gọi và vị trí đặt cần trục hoặc máy nâng (với số hiệu phân biệt hoặc nhãn, nếu có) được thử và tổng kiểm tra Situation and description of crane or hoist, (with distinguishing number or mark, if any) which have been tested and thoroughly examined	Tầm với của cần trục khi nâng tải trọng thử (mét) For jib crane radius at which the test load was applied (metres)	Tải trọng thử (tấn) Test Load applied (tonnes)	Tải trọng làm việc an toàn (tấn) Safe working load (tonnes)	Tầm với của cần trục lớn nhất cho phép (mét) Allowable maximum radius for jib crane (metres)	Lưu ý Remark

Tên đơn vị chứng kiến thử và thực hiện tổng kiểm tra: _____
Name of association witnessed testing and carried out making thorough examinationChứng nhận rằng vào ngày: _____
This is to certify that on the day of

các máy được liệt kê ở cột (1) ở trên đã được thử và tổng kiểm tra và không phát hiện thấy khiếm khuyết hoặc biến dạng cố định nào, và tải trọng làm việc an toàn như được nêu ở cột (4) ở trên.

The above gear shown in column (1) was tested and thoroughly examined and no defects or permanent deformation were found, and that the safe working load is as shown above column (4).

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: _____
This certificate is valid untilCấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**

43

HƯỚNG DẪN

INSTRUCTIONS

- Mỗi cần trục và máy nâng khác cùng với các chi tiết của chúng phải được thử với tải trọng lớn hơn sức nâng cho phép một trị số như sau:

Every crane and other hoisting machine, with its accessory gear, shall be tested with a test load which shall exceed the safe working load as follows:

Tải trọng làm việc an toàn SWL (tấn) Safe working load, SWL (tonnes)	Tải trọng thử, TL (tấn) Test load, TL (tonnes)
SWL < 20	1,25 x SWL
20 ≤ SWL < 50	SWL + 5
50 ≤ SWL < 100	1,1 x SWL
100 ≤ SWL	Do cơ quan đăng kiểm quy định - specified by Recognized Organization

- Tải trọng thử phải được nâng, xoay và di chuyển ở tốc độ thấp. Cổng trục và cần trục di chuyển cùng với bánh xe, nếu thích hợp, phải di chuyển trên toàn bộ chiều dài đường ray của chúng. Nếu cần trục có tầm với thay đổi thì thông thường phải tiến hành với tải trọng thử thích hợp ở tầm với lớn nhất, nhỏ nhất và trung gian. Đối với cần trục thủy lực, nếu vì giới hạn áp lực mà không nâng được tải trọng lớn hơn sức nâng cho phép 25% thì chỉ cần nâng tải trọng lớn nhất có thể nâng được là đủ, nhưng trong mọi trường hợp không được nhỏ hơn 1,1 lần tải trọng làm việc an toàn. Sau khi thử với tải trọng thử, cần trục phải được thử với tải trọng bằng tải trọng làm việc an toàn ở tốc độ nâng, quay, thay đổi tầm với và di chuyển lớn nhất.

The test load is to be hoisted, slewed and luffed at slow speed. Gantry and travelling cranes together with their trolleys, where appropriate, are to be traversed and travelled over the full length of their track. In case of variable load-radius cranes, the tests are generally to be carried out with the appropriate test load at maximum, minimum and at an intermediate radius. In the case of hydraulic cranes where limitations of pressure make it possible to lift a test load 25 per cent in excess of the safe working load, it will be sufficient to lift the greatest possible load, but in general this should not be less than 10 per cent in excess of the safe working load. After being tested with a test load, each crane should be tested with a load equal to the safe working load at maximum rate of movement at hoisting, slewing, topping and replacing machinery.

- Theo nguyên tắc chung, việc thử tải sẽ được tiến hành bằng tải trọng thử, nhất là việc kiểm tra lần đầu. Trong trường hợp sửa chữa, phục hồi hoặc khi kiểm tra định kỳ buộc phải thử tải lại thì có thể được sử dụng lực kéo lò xo hoặc thủy lực với điều kiện là tải trọng làm việc cho phép của các cần cẩu không quá 15 tấn. Lực kéo “lò xo hoặc thủy lực” được sử dụng phải được kiểm định và độ chính xác ở trong khoảng $\pm 2\%$ và lực thử phải giữ được trong 5 phút.

As general rule, tests should be carried out using test loads, and no exemption should be allowed in the case of initial surveys. In the case of repairs, replacements or when the periodical survey calls for a retest, consideration may be given to the use of spring or hydraulic balances provided the SWL of the lifting appliance does not exceed 15 tonnes. Where a spring or hydraulic balance is used it shall be calibrated and accurate to within ± 2 percents and the indicator should remain constant for 5 minutes.

- Sau khi thử bằng phương pháp nói trên, tất cả các cần trục hoặc máy nâng cùng với các chi tiết có liên quan với chúng cần phải được tổng kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng hoặc biến dạng dư.

After being tested as defined above, each crane or hoist with the whole of the gear accessory thereto, shall be thoroughly examined to see whether any part has been injured or permanently deformed by the test.

- “Tấn” bằng 1000 kg.

The expression “tonne” shall mean a weight of 1,000 kg.

*Gạch bỏ nội dung không thích hợp.
Delete as appropriate.

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ VÀ TỔNG KIỂM TRA THANG MÁY/ CẦU XE* VÀ CÁC CHI TIẾT**
CERTIFICATE OF TEST AND THOROUGH EXAMINATION OF CARGO LIFTS*/CARGO RAMPS* AND THEIR
ACCESSORY GEAR(TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG*/CHU KỲ 5 NĂM*/ SAU HOÁN CẢI*/ THAY THẾ*/ SỬA CHỮA*)
(BEFORE BEING TAKEN INTO USE*/ EVERY FIVE YEARS*/ AFTER ALTERATIONS*/ REPLACES*/ REPAIRS*)Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships

Tên tàu:	_____	Số đăng ký:	_____
Name of Ship	_____	Official Number	_____
Cảng đăng ký:	_____	Hồ hiệu:	_____
Port of Registry	_____	Call Sign	_____
Chủ tàu:	_____		
Shipowner	_____		
Số phân cấp:	_____	Số IMO:	_____
Class Number	_____	IMO Number	_____

(1)	(2)	(3)	(4)
Tên gọi và vị trí đặt thang máy*/ cầu xe* (với số hiệu phân biệt hoặc nhãn, nếu có) được thử và tổng kiểm tra Situation and description of cargo lifts*/ cargo ramps* (with distinguishing number or mark, if any) which have been tested and thoroughly examined	Tải trọng thử (tấn) Test load applied (tonnes)	Tải trọng làm việc an toàn (tấn) Safe working load (tonnes)	Lưu ý Remark

Tên đơn vị chứng kiến thử và thực hiện tổng kiểm tra: _____
Name of association witnessed testing and carried out making thorough examinationChứng nhận rằng vào ngày: _____
This is to certify that on the day of _____các máy được liệt kê ở cột (1) ở trên đã được thử và tổng kiểm tra và không phát hiện thấy khiếm khuyết hoặc biến dạng cố định nào, và tải trọng làm việc an toàn như được nêu ở cột (3) ở trên.
the above gear shown in column (1) was tested and thoroughly examined and no defects or permanent deformation were found, and that the safe working load is as shown above column (3).Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: _____
This certificate is valid until _____Cấp tại _____ Ngày _____
Issued at _____ Date _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**

45
HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS

1. Mỗi một thang máy hoặc cầu xe cùng với các chi tiết của chúng phải được thử với tải trọng lớn hơn sức nâng cho phép một trị số như sau:

Every cargo lift or cargo ramp with its accessory gear, shall be tested with a test load which shall exceed the safe working load as follows:

Tải trọng làm việc an toàn SWL (tấn) Safe working load, SWL (tonnes)	Tải trọng thử, TL (tấn) Test load, TL (tonnes)
SWL < 20	1,25 x SWL
$20 \leq \text{SWL} < 50$	SWL + 5
$50 \leq \text{SWL} < 100$	1,1 x SWL
$100 \leq \text{SWL}$	Do cơ quan đăng kiểm quy định - specified by Recognized Organization

2. Tải trọng thử phải tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển.
The test load shall be applied according to the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships.
3. “Tấn” bằng 1000 kg.
The expression “tonne” shall mean a weight of 1,000 kg.

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ VÀ TỔNG KIỂM TRA CÁC CHI TIẾT THÁO ĐƯỢC**
CERTIFICATE OF TEST AND THOROUGH EXAMINATION OF LOOSE GEAR(TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG, VÀ SAU KHI ĐƯỢC KÉO DÀI, HOÁN CẢI HOẶC SỬA CHỮA)
(BEFORE BEING TAKEN INTO USE, AND AFTER IT HAS BEEN LENGTHENED, ALTERED OR REPAIRED)Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships

Tên tàu:	_____	Số đăng ký:	_____
Name of Ship	_____	Official Number	_____
Cảng đăng ký:	_____	Hồ hiệu:	_____
Port of Registry	_____	Call Sign	_____
Chủ tàu:	_____		
Shipowner	_____		
Số phân cấp:	_____	Số IMO:	_____
Class Number	_____	IMO Number	_____

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Số hiệu phân biệt hoặc nhãn hiệu Distinguishing number or mark	Miêu tả các chi tiết tháo được(*) Description of loose gear (*)	Số lượng các chi tiết thử Number tested	Ngày thử Date of test	Tải trọng thử (tấn) Test load applied (tonnes)	Tải trọng làm việc an toàn (tấn) Safe working load (tonnes)

Tên, địa chỉ nhà chế tạo hoặc nhà cung cấp: _____
 Name and address of maker or supplier _____
 Tên và địa chỉ đơn vị tiến hành thử và kiểm tra: _____
 Name and address of firm making the test and examination _____
 Chức danh và chữ ký của người có thẩm quyền của đơn vị thử: _____
 Position and signature of competent person in the firm _____
 Chứng nhận rằng vào ngày: _____
 This is to certify that on the day of _____

các chi tiết trên đã được người có thẩm quyền thử và kiểm tra theo phương pháp như nêu ở mặt sau của Giấy chứng nhận này
 và việc kiểm tra tiến hành sau khi thử cho thấy chúng không bị hư hỏng hoặc biến dạng cố định khi thử tải trọng, và tải trọng
 làm việc an toàn đối với các chi tiết này được ghi ở cột (6).

the above gear was tested and examined by a competent person in the manner set forth on the reverse side of this certificate,
 that the examination showed that the gear withstood the test load without injury or permanent deformation; and that the safe
 working load on this gear is as shown in column (6).

Cấp tại _____ Ngày _____
 Issued at _____ Date _____

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

47
**HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS**

1. Mỗi một chi tiết tháo được phải được thử và tổng kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng lần đầu và sau bất kỳ đợt hoán cải hoặc sửa chữa lớn nào của các phần của chi tiết mà có thể làm ảnh hưởng đến an toàn của chi tiết. Tải trọng thử phải được áp dụng phù hợp với bảng sau:

Every item of loose gear is to be tested and thoroughly examined before being taken into use for the first time and after any substantial alteration or repair to any part liable to affect its safety. The test loads to be applied shall be in accordance with the following table

Tên chi tiết Article of Gear		Tải trọng làm việc an toàn (SWL) của cần trục (tấn) Safe working load (SWL) of the Gear (tonnes)	Tải trọng thử, TL (tấn) Test load, TL (tonnes)
Cụm pu li Pulley blocks	Puli đơn không khớp xoay (Xem Lưu ý 1) Single-sheave block without becket (see Note 1)	--	4 x SWL
	Puli đơn có khớp xoay (Xem Lưu ý 2) Single-sheave block with becket (see Note 2)	--	6 x SWL
	Puli kép (Xem Lưu ý 3) Multi-sheave block (see Note 3)	SWL ≤ 25 25 < SWL ≤ 160 160 < SWL	2 x SWL (0.933 x SWL) + 27 1.1 x SWL
Xích, móc, mani, khuyên, mắt xoay, kẹp cáp và các chi tiết tương tự. Chain, hook, shackle, ring, link, swivel, clamp and similar gear		SWL ≤ 25 25 < SWL	2 x SWL (1.22 x SWL) + 20
Xà treo tải, khung nâng hàng, vồng nâng hàng và các chi tiết tương tự. Lifting beam, lifting frame, spreader and similar gear		SWL ≤ 10 10 < SWL ≤ 160 160 < SWL	2 x SWL (1.04 x SWL) + 9.6 1.1 x SWL

Lưu ý:
Note:

- .1 Tải trọng làm việc an toàn đối với puli đơn không khớp xoay phải được lấy bằng một nửa của lực tổng hợp trên đầu thiết bị.
The SWL for a single-sheave block without becket is to be taken as one half of the resultant load on the head fitting.
 - .2 Tải trọng làm việc an toàn đối với puli đơn có khớp xoay phải được lấy bằng một phần ba của lực tổng hợp trên đầu thiết bị.
The SWL for a single-sheave block with becket is to be taken as one third of the resultant load on the head fitting.
 - .3 Tải trọng làm việc an toàn đối với puli kép phải được lấy bằng lực tổng hợp trên đầu thiết bị.
The SWL of a multi-sheave block is to be taken as the resultant load on the head fitting.
2. Sau khi thử tất cả các chi tiết phải được tổng kiểm tra, các ròng rọc phải được tháo ra để phát hiện những hư hỏng và biến dạng vĩnh cửu do việc thử tải gây ra.
After being tested all the gear shall be thoughtly examined, the sheaves and the pins of the pulley blocks being removed for the purpose to see whether any part has been damaged or permanently deformed by the test.
3. Đơn vị thử và kiểm tra cũng có thể chứng nhận cho các thành phần có thể thay thế được của thiết bị nâng.
This firm may also used for the certification of interchangeable components of lifting appliances.
4. “Tấn” bằng 1000 kg.
The expression “tonne” shall mean a weight of 1,000 kg.

* Phải ghi rõ kích thước của chi tiết, vật liệu chế tạo, nơi bố trí và phương pháp nhiệt luyện sau khi chế tạo.
The dimention of the gear, type of material of which it is made and, where applicable, the heat treatment received in manufacture should be stated.

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ VÀ TỔNG KIỂM TRA DÂY CÁP THÉP**
CERTIFICATE OF TEST AND THOROUGH EXAMINATION OF WIRE ROPE(TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG)
(BEFORE BEING TAKEN INTO USE)Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships

Tên tàu:	_____	Số đăng ký:	_____
Name of Ship	_____	Official Number	_____
Cảng đăng ký:	_____	Hồ hiệu:	_____
Port of Registry	_____	Call Sign	_____

Chủ tàu:	_____
Shipowner	_____
Số phân cấp:	_____
Class Number	_____
Số IMO:	_____
IMO Number	_____

Tên và địa chỉ Nhà máy chế tạo hoặc cung cấp:	_____
Name and address of maker or supplier of rope	_____

Đường kính danh nghĩa dây cáp (mm):	_____
Nominal Diameter of rope (mm)	_____

Số tạo trong dây cáp:	_____
Number of strands	_____

Số sợi trong một tạo:	_____
Number of wires per strand	_____

Hướng bện:	_____
Lay	_____

Chất lượng sợi:	_____
Quality of wire	_____

Ngày thử mẫu cáp:	_____
Date of test sample of rope	_____

Tải trọng kéo đứt mẫu cáp (tấn):	_____
Load at which sample broken (tonnes)	_____

Tải trọng làm việc an toàn (tấn):	_____
Safe working load (tonnes)	_____

phù hợp với điều kiện đã quy định, ví dụ đường kính tối thiểu của puli, tải trọng kéo trực tiếp tối thiểu...
subject to any stated qualifying conditions, such as minimum pulley diameter, direct tensile load, etc.

Tên và địa chỉ đơn vị, công ty hoặc hãng tiến hành thử và kiểm tra:	_____
Name and address of public service, association,	_____
company or firm making the test and examination	_____

Chứng nhận rằng số liệu nói trên là đúng, và đợt tổng kiểm tra và thử đã được người có thẩm quyền tiến hành.

This is to certify that the above particulars are correct, and that the thorough examination and test were carried out by a competent person.

Cấp tại	_____	Ngày	_____
Issued at	_____	Date	_____

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

49
HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS

1. Hệ số an toàn đối với dây cáp phải lấy bằng trị số sau:

Coefficient of utilization (factor of safety) for a wire rope shall be as follows

Tải trọng làm việc an toàn (SWL) của dây cáp (tấn) Safe working load of the rope (SWL) in tonnes	Hệ số an toàn Factor of safety
$SWL \leq 160$	$\frac{10^4}{(8.85 \times SWL) + 1910}$ <p>Trong đó, hệ số an toàn cho cáp làm việc động có thể lấy nhỏ hơn 5 và cho cáp làm việc tĩnh có thể lấy nhỏ hơn 4 where, the factor for running rope may not exceed 5 and the factor for standing rope may not exceed 4.</p>
$160 < SWL$	3

2. “Tấn” bằng 1000 kg.

The expression “tonne” shall mean a weight of 1,000 kg.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/ SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc/ Independence - Freedom - Happiness

SỔ ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ NÂNG VÀ CHI TIẾT THÁO ĐƯỢC CỦA TÀU BIỂN
REGISTER OF SHIP'S LIFTING APPLIANCES AND ITEMS OF LOOSE GEAR

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships

Tên tàu:
Name of Ship:

Số đăng ký:
Official Number:

Hô hiệu:
Call Sign:

Cảng đăng ký:
Port of Registry:

Chủ tàu:
Name of Owner:

Số phân cấp:
Class Number:

Ngày cấp:
Date of issue:

Đơn vị cấp:
Issued by:

Chữ ký và đóng dấu:
Signature and Stamp:

1. Kiểm tra lần đầu và chứng nhận
Initial examination and certification
 - 1.1 Mỗi thiết bị nâng hàng trước khi đưa vào sử dụng lần đầu phải được Cơ quan Đăng kiểm chứng nhận để đảm bảo là được thiết kế và lắp ráp thoả mãn và có độ bền đầy đủ đối với mục đích dự định sử dụng
Every lifting appliances shall be certified by a surveyor to Recognized Organization before being taken into use for the first time to ensure that it is of good design and construction and of adequate strength for the purpose for which it is intended.
 - 1.2 Đối với mỗi thiết bị nâng hàng trước khi đưa vào sử dụng lần đầu Đăng kiểm viên Cơ quan Đăng kiểm phải giám sát, chứng kiến thử tải và tổng kiểm tra.
Before being taken into use for the first time a surveyor to Recognized Organization shall supervise and witness testing, and shall thoroughly examine every lifting appliance.
 - 1.3 Các hạng mục chi tiết tháo được trước khi đưa vào sử dụng lần đầu phải được Đăng kiểm viên Cơ quan Đăng kiểm hoặc người có thẩm quyền thử tải, tổng kiểm tra và chứng nhận.
Entry item of loose gear shall, before being taken into use for the first time, be tested, thoroughly examined and certified by a surveyor to Recognized Organization or a competent person.
 - 1.4 Sau khi các thủ tục trên hoàn thành thoả mãn, Đăng kiểm viên Cơ quan Đăng kiểm phải hoàn thành và cấp Sổ đăng ký thiết bị nâng hàng tàu biển đính kèm với các Giấy chứng nhận thích hợp. Nội dung phải được ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.
Upon satisfactory completion of the procedures indicated above the surveyor to Recognized Organization shall complete and issue the Register of Lifting Appliances and attach the appropriate Certificates. An entry shall be made in Part I of the Register.
 - 1.5 Sơ đồ lắp đặt thể hiện bố trí thiết bị nâng phải được cung cấp. Đối với cần trục dây giằng và cần trục trụ xoay, sơ đồ lắp đặt phải thể hiện ít nhất những thông tin sau:
A rigging plan showing the arrangement of lifting appliances shall be provided. In the case of derricks and derrick cranes the rigging plan should show at least the following information:
 - .1 vị trí của cáp chằng;
the position of guys;
 - .2 lực tổng hợp trên puli, cáp chằng, cáp kéo và cần;
the resultant force on blocks, guys, wire ropes and booms;
 - .3 vị trí của puli;
the position of blocks;
 - .4 nhãn phân biệt của từng chi tiết riêng biệt;
the identification mark of individual items;
 - .5 bố trí và phạm vi hoạt động của hệ thống làm việc ghép đôi.
arrangements and working range of union purchase.
2. Kiểm tra và thử tải chu kỳ
Periodic examinations and re-testing
 - 2.1 Tất cả các thiết bị nâng và mỗi chi tiết tháo được phải được Đăng kiểm viên Cơ quan Đăng kiểm tổng kiểm tra ít nhất một lần trong khoảng thời gian 12 tháng. Chi tiết của các đợt tổng kiểm tra này phải được ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.
All lifting appliances and every item of loose gear shall be thoroughly examined by a surveyor to Recognized Organization at least once in every 12 months. The particulars of these thorough examinations shall be entered in Part I of the Register.
 - 2.2 Phải tiến hành thử tải chu kỳ và tổng kiểm tra tất cả các thiết bị nâng và mỗi chi tiết tháo được:
Re-testing and thorough examination of all lifting appliances and every item of loose gear is to be carried out:
 - .1 sau bất kỳ hoán cải lớn nào hoặc thay mới hoặc sau sửa chữa bất kỳ bộ phận chịu lực nào; và
after any substantial alteration or renewal, or after repair of any stress-bearing part; and
 - .2 ít nhất một lần trong khoảng thời gian 5 năm.
in the case of lifting appliances at least once in every five years.

- 2.3 Thử tải chu kỳ được nêu trong mục 2.2.1 có thể được miễn nếu phần được thay mới hoặc sửa chữa đó được thử tải riêng, với ứng suất tương đương với ứng suất mà nó chịu khi thử tải thiết bị nâng.
The re-testing referred to in paragraph 2.2.1 may be omitted provided the part which has been renewed or repaired is subjected by separate test, to the same stress as would have been imposed on it if it had been tested in situ during testing of the lifting appliance.
- 2.4 Tổng kiểm tra và thử tải được nêu trong mục 2.2 phải được ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.
The thorough examinations and tests referred to in paragraph 2.2 are to be entered in Part I of the Register.
- 2.5 Các chi tiết tháo được mới không được chế tạo bằng thép rèn. Nhiệt luyện các thành phần bằng thép rèn hiện có phải được tiến hành thỏa mãn yêu cầu của người có thẩm quyền. Nhiệt luyện các chi tiết tháo được chỉ được áp dụng trừ khi phù hợp với hướng dẫn của nhà sản xuất; thỏa mãn yêu cầu của Đăng kiểm viên Cơ quan Đăng kiểm hoặc người có thẩm quyền. Các đợt nhiệt luyện và kiểm tra liên quan phải được người có thẩm quyền ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.
No new items of loose gear shall be manufactured of wrought iron. Heat treatment of any existing wrought iron components should be carried out to the satisfaction of the competent person. No heat treatment should be applied to any item of loose gear unless the treatment is in accordance with the manufacturer's instruction; to the satisfaction of the surveyor to Recognized Organization or the competent person. Any heat treatment and the associated examination are to be recorded by the competent person in Part I of the Register.
3. Kiểm tra
Inspections
- 3.1 Các chi tiết tháo được trước khi sử dụng phải được người chịu trách nhiệm kiểm tra bằng mắt thông thường. Đợt kiểm tra thông thường này phải được ghi vào Phần II của Sổ đăng ký, nhưng việc ghi chép này chỉ cần thiết khi kiểm tra chỉ ra khiếm khuyết của chi tiết.
Regular visual inspections of every items of loose gear shall be carried out by a responsible person before use. A record of these regular inspections is to be entered in Part II of the Register, but entries need only be made when the inspection has indicated a defect in the item.
4. Giấy chứng nhận
Certificates
- 4.1 Mẫu giấy chứng nhận được sử dụng cùng với Sổ đăng ký (Mẫu CG.1) như sau:
The certification forms to be used in conjunction with this Register (Form CG.1) are as follows:
- Mẫu CG.2 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giăng, tời và các chi tiết.
Form CG.2 – Certificate of test and thorough examination of derricks, winches and their accessory gear.
- Mẫu CG.2(U) - Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giăng, tời và các chi tiết làm việc ghép đôi.
Form CG.2(U) – Certificate of test and thorough examination of derricks, winches and their accessory gear for operation in Union Purchase.
- Mẫu CG.3 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục trục xoay hoặc máy nâng và các chi tiết.
Form CG.3 – Certificate of test and thorough examination of cranes or hoists and their accessory gear.
- Mẫu CG.3LR – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra thang máy hoặc cầu xe và các chi tiết.
Form CG.3LR – Certificate of test and thorough examination of cargo lifts or cargo ramps and their accessory gear.
- Mẫu CG.4 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra chi tiết tháo được.
Form CG.4 – Certificate of test and thorough examination of loose gears.
- Mẫu CG.5 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra dây cáp thép.
Form CG.5 – Certificate of test and thorough examination of wire ropes.
5. Định nghĩa
Definitions
- 5.1 “Người có thẩm quyền” là người có hiểu biết và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện tổng kiểm tra và thử tải thiết bị nâng và chi tiết tháo được và được Cơ quan Đăng kiểm chấp nhận.
The term “competent person” means a person possessing the knowledge and experience required for the performance of thorough examinations and tests of lifting appliances and loose gear and who is acceptable to Recognized Organization.
- 5.2 “Người chịu trách nhiệm” là người được thuyền trưởng hoặc chủ tàu chỉ định để chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra và có đủ hiểu biết và kinh nghiệm để đảm nhận việc kiểm tra đó.

The term “responsible person” means a person appointed by the master of the ship or the owner of the gear to be responsible for the performance of inspections and has sufficient knowledge and experience to undertake such inspections.

- 5.3 “Tổng kiểm tra” là đợt kiểm tra bằng mắt chi tiết do Đăng kiểm viên Cơ quan Đăng kiểm hoặc người có thẩm quyền thực hiện, nếu cần thiết được bổ sung bằng các thiết bị hoặc phương pháp khác nhằm mục đích đưa ra kết luận chính xác về độ an toàn của thiết bị nâng hoặc chi tiết tháo được được kiểm tra.

The term “thorough examination” means a detailed visual examination by surveyor to Recognized Organization or competent person, supplemented if necessary by other means or measures in order to arrive at a reliable conclusion as to the safety of the lifting appliances or item of loose gear examined.

- 5.4 “Kiểm tra” là kiểm tra bằng mắt do người chịu trách nhiệm thực hiện để xác định, đến mức có thể chắc chắn được, rằng chi tiết tháo được hoặc dây cáp an toàn để sử dụng tiếp.

The term “inspection” means a visual inspection carried out by a responsible person to decide whether, so far as can be ascertained in such manner, the loose gear or sling is safe for continued use.

- 5.5 “Thiết bị nâng” bao gồm tất cả các thiết bị nâng hàng đứng yên hoặc di động sử dụng trên tàu để treo, nâng hoặc hạ tải trọng hoặc di chuyển chúng từ vị trí này sang vị trí khác trong khi được treo hoặc nâng.

The term “lifting appliance” covers all stationary or mobile cargo handling appliances used on board ship for suspending, raising or lowering loads or moving them from one position to other while suspended or supported.

- 5.6 “Chi tiết tháo được” bao gồm các chi tiết mà nhờ đó tải trọng có thể liên kết với thiết bị nâng, mà không phải là một phần cấu thành thiết bị hay tải trọng.

The term “loose gear” covers any gear by means of which a load can be attached to a lifting appliance but which does not form an integral part of the appliance or load.

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)
PHẦN I – TỔNG KIỂM TRA THIẾT BỊ NÂNG VÀ CHI TIẾT THÁO ĐƯỢC
PART I – THOROUGH EXAMINATION OF LIFTING APPLIANCES AND LOOSE GEAR

(1) Tên gọi và vị trí đặt các thiết bị nâng và chi tiết tháo được (với số hiệu phân biệt hoặc nhãn, nếu có) được tổng kiểm tra (xem Chú thích 1) Situation and description of lifting appliances and loose gear, (with distinguishing number or mark, if any) which have been thoroughly examined (see Note 1)	(2) Số Giấy chứng nhận Certificate Numbers	(3) Kiểu kiểm tra thực hiện (xem Chú thích 2) Examination performed (see Note 2)	(4) Tôi chứng nhận rằng vào ngày tôi ký tên, thiết bị nêu trong cột (1) đã được tổng kiểm tra và không phát hiện thấy khiếm khuyết nào ảnh hưởng đến điều kiện làm việc an toàn của thiết bị ngoại trừ phần được nêu ở cột (5) - (Ngày và Ký tên) I certify that on the date to which I have appended my signature, the gear shown in column (1) was thoroughly examined and no defects affecting its safe working condition were found other than those shown in column (5) - (Date and Signature)	(5) Lưu ý - (Ngày và Ký tên) Remarks - (To be dated and signed)

PHẦN II – KIỂM TRA THÔNG THƯỜNG CÁC CHI TIẾT THỎA ĐƯỢC
PART II – REGULAR INSPECTIONS OF LOOSE GEAR

<p>(1)</p> <p>Tên gọi và vị trí đặt chi tiết tháo được (với số hiệu phân biệt hoặc nhãn, nếu có) được kiểm tra (xem Chú thích 1)</p> <p>Situation and description of loose gear, (with distinguishing number or mark, if any) which has been inspected (see Note 1)</p>	<p>(2)</p> <p>Ngày và chữ ký của người chịu trách nhiệm tiến hành kiểm tra</p> <p>Signature and date of responsible person carrying out the inspection</p>	<p>(3)</p> <p>Lưu ý - (Ngày và Ký tên)</p> <p>Remarks - (To be dated and signed)</p>

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN TÀU KHÁCH

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển

Đặc trưng tàu:

Tên tàu: Số đăng ký hoặc Hô hiệu:

Cảng đăng ký: Tổng dung tích:

Ngày đặt sóng chính: Số hành khách:

Vùng hoạt động:

CHỨNG NHẬN RẰNG

1. Tàu đã được kiểm tra phù hợp với các quy định quốc gia hiện hành về trang bị an toàn, cứu sinh, cứu hỏa, trang bị vô tuyến điện, thiết bị hàng hải và phương tiện tín hiệu, và
2. Đợt kiểm tra cho thấy rằng: Trạng thái các trang thiết bị an toàn nêu trên của tàu hoàn toàn thỏa mãn và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn.

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày với điều kiện phải tiến hành các đợt kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn.

Cấp tại Ngày

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ KIỂM TRA CHU KỲ⁽¹⁾

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.

Kiểm tra hàng năm

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ⁽¹⁾

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ⁽¹⁾

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

Kiểm tra hàng năm

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

(1) Gạch bỏ khi không thích hợp.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ CHU KỲ BỔ SUNG⁽¹⁾

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.

Kiểm tra hàng năm/ chu kỳ⁽¹⁾

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN

Theo Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến
ngày:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ÁN ĐỊNH KIỂM TRA

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN TÀU CAO TỐC**

Cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc

Đặc trưng tàu

Tên tàu: _____ Số đăng ký hoặc hô hiệu: _____
Cảng đăng ký: _____ Số phân cấp: _____
Chiều dài tàu: _____ (m) Tổng dung tích: _____
Ngày đặt sông chính: _____
Vùng hoạt động: _____
Chủ tàu: _____

Loại tàu: ☐ Tàu khách, số hành khách: _____ ☐ Tàu hàng
Kiểu tàu: ☐ Đệm khí ☐ Cánh ngầm ☐ Một thân ☐ Nhiều thân
☐ Kiểu khác (Chi tiết: _____)

CHỨNG NHẬN RẰNG

1. Tàu đã được kiểm tra phù hợp với các quy định của Quy chuẩn về thiết bị cứu sinh, thiết bị hành hải, thiết bị vô tuyến điện và thiết bị tín hiệu.
2. Đợt kiểm tra cho thấy thiết bị cứu sinh, thiết bị hành hải, thiết bị vô tuyến điện và thiết bị tín hiệu của tàu thỏa mãn và phù hợp với các yêu cầu tương ứng của Quy chuẩn.
3. Các thiết bị cứu sinh được trang bị cho tổng số: _____ người:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày: _____ với điều kiện phải được xác nhận kiểm tra chu kỳ phù hợp theo Quy chuẩn.

Cấp tại _____ Ngày _____

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)☒ Đánh dấu nếu thích hợp.

XÁC NHẬN KIỂM TRA CHU KỲ

Chứng nhận rằng, tại các đợt kiểm tra theo yêu cầu ở mục 3.3 hoặc của Quy chuẩn, tàu thoả mãn hoàn toàn các yêu cầu của Quy chuẩn.

Kiểm tra hàng năm lần 1/ trung gian*

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra.....

Ngày

Kiểm tra hàng năm lần 2/ trung gian*

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra.....

Ngày.....

Kiểm tra hàng năm lần 3/ trung gian*

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra.....

Ngày.....

Kiểm tra hàng năm lần 4/ trung gian*

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra.....

Ngày.....

* Gạch bỏ nếu không phù hợp.

XÁC NHẬN KIỂM TRA HÀNG NĂM/ TRUNG GIAN* BỔ SUNG

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, hiệu lực của Giấy chứng nhận được xác nhận.

Kiểm tra hàng năm/ trung gian*

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi kiểm tra:

Ngày:

XÁC NHẬN GIA HẠN HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN

Theo Quy chuẩn, Giấy chứng nhận này được chấp nhận có hiệu lực đến ngày:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

XÁC NHẬN THAY ĐỔI NGÀY ÁN ĐỊNH KIỂM TRA

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

Theo Quy chuẩn, ngày ấn định kiểm tra mới là:

(Tổ chức đăng kiểm)

Nơi xác nhận:

Ngày:

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:
No.**GIẤY CHỨNG NHẬN DUY TRÌ CẤP TÀU**
CLASS MAINTENANCE CERTIFICATE

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép
Issued under the provisions of the National Technical Regulation for Classification and
Construction of Sea-going Steel Ships

Tên tàu:
Ship's Name:Số phân cấp
Class Number:Số IMO:
IMO Number:Tổng dung tích:
Gross Tonnage:Chủ tàu:
Owner:Cảng đăng ký:
Port of Registry:Classification Character:
.....CHỨNG NHẬN RẰNG
THIS IS TO CERTIFY that,.....
.....
.....
.....Cấp của tàu nêu trên hiện đang được duy trì như sau:
The classification of the above ship has been maintained as of:.....
.....Cấp tại Ngày
Issued at Date**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHO HOẠT ĐỘNG KÉO
CERTIFICATE OF FITNESS FOR TOWING OPERATION**Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hoạt động kéo trên biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Towing at Sea

(Tên Tổ chức đăng kiểm) XÁC NHẬN RẰNG:

(Name of Recognized Organization) CERTIFIES THAT:

Tàu kéo: _____
 Tug: _____
 Cảng đăng ký: _____
 Port of Registry: _____
 Số đăng ký hoặc hô hiệu: _____
 Distinctive Number or Letters: _____
 Cấp tàu: _____
 Class: _____
 Chủ tàu: _____
 Owner: _____

Và đối tượng được kéo:

And the object to be towed:

Đối tượng được kéo: _____
 Towed object: _____
 Cảng đăng ký (nếu có): _____
 Port of Registry (if any): _____
 Số đăng ký hoặc hô hiệu (nếu có): _____
 Distinctive Number or Letters (if any): _____
 Cấp (nếu có): _____
 Class (if any): _____
 Chủ tàu: _____
 Owner: _____

Đã được chuẩn bị cho việc kéo từ:

Have been prepared for towage from:

Đến:

To:

Kết quả kiểm tra do Đăng kiểm viên của Cơ quan đăng kiểm tiến hành đối với thân tàu, trang thiết bị, hệ thống máy tàu, trang bị điện, vô tuyến điện, trang bị hàng hải, phương tiện cứu sinh, phương tiện tín hiệu, trang thiết bị phòng chống cháy và việc bố trí thiết bị kéo của tàu kéo cũng như đối tượng được kéo cho thấy chúng thỏa mãn cho hoạt động kéo dự định, phù hợp với các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hoạt động kéo trên biển.

The results of the surveys carried out by Surveyor(s) on hull, equipment, machinery installations, electrical installations, radio equipment, navigation equipment, life-saving appliances, signal appliances, fire protection and extinguishing appliances and towing arrangements of the tug as well as the towed object show that they are fit for the intended towing operation, and in compliance with the provisions of the National Technical Regulation on Towing at Sea.

Trong quá trình hành trình, phải áp dụng các biện pháp sau đây:

For conveyance the following measures are conditional:

- Mỗi chặng riêng biệt của chuyến đi chỉ được phép bắt đầu ở điều kiện thời tiết khu vực tốt và điều kiện khí hậu chung thích hợp.
The individual parts of the voyage are to be started only under good local weather conditions and favourable general meteorological situation.
- Khi gặp phải điều kiện thời tiết xấu, cần phải thay đổi hướng đi và tốc độ thích hợp và/ hoặc phải đưa tàu vào nơi trú ẩn nếu có thể.
In case of worsening weather conditions course and speed are to be changed accordingly and/ or sheltered place is to be resorted if possible.
- Tất cả các miệng hầm hàng, các lỗ người chui, các cửa bên ngoài thượng tầng/ lầu, các ống thông hơi, thông gió và các lỗ khác mà qua đó nước có thể xâm nhập vào trong tàu phải được đóng kín thời tiết.

All hatches, access openings, outside doors, ventilation pipes, air pipes and other openings through which water might intrude into the interior of the tow are to be closed watertight.

4. Phải đảm bảo đầy đủ ổn định cho tàu kéo và đối tượng được kéo trong khi hành trình.
Sufficient stability of the tug and the towed object is to be safeguarded during the voyage.
5. Phải tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về đèn hiệu và vật hiệu.
The relevant national and international regulations regarding lights and shapes are to be complied with.
6. Tất cả hàng hóa và trang thiết bị sắp xếp trên đối tượng được kéo phải được cố định và chằng buộc chắc chắn đảm bảo khả năng đi biển, phù hợp với kế hoạch chuyến đi đã được thẩm định.
All cargoes, components and equipment stored on board the towed object are fastened and lashed seaworthily in accordance with the approved voyage plan.
7. Tất cả các bộ phận của hệ thống kéo được liệt kê dưới đây phải được duy trì ở trạng thái thỏa mãn:
All parts of the towage arrangements as listed below are to be in satisfactory condition:

Dây kéo	(mm)	(đường kính)
Towing wire	(mm)	(diameter)
	(m)	(chiều dài)
	(length)	
	(kN)	(tải trọng kéo đứt)
		(breaking load)
Dây kéo dự trữ	(mm)	(đường kính)
Spare towing wire	(mm)	(diameter)
	(m)	(chiều dài)
	(length)	
	(kN)	(tải trọng kéo đứt)
		(breaking load)
Dây đai kéo	(mm)	(đường kính)
Pendant wire	(mm)	(diameter)
	(m)	(chiều dài)
	(length)	
	(kN)	(tải trọng kéo đứt)
		(breaking load)
Bộ phận khác		(mô tả)
Other parts		(description)
	(mm)	(đường kính)
	(mm)	(diameter)
	(m)	(chiều dài)
	(length)	
	(kN)	(tải trọng kéo đứt)
		(breaking load)

Giấy Chứng nhận này có hiệu lực đến:

This Certificate is valid until:

Cấp tại
Issued at

Ngày
Date

(Tổ chức đăng kiểm)

TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: _____
No. _____**GIẤY CHỨNG NHẬN THỬ LỰC KÉO TẠI MÓC**
CERTIFICATE OF BOLLARD PULL TESTINGCấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hoạt động kéo trên biển
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Towage at Sea(Kèm theo giấy chứng nhận này phải có Biên bản xác định lực kéo tại móc)
(Report for Determination of Bollard Pull should permanently be attached to the Certificate)

Tên tàu: Name of Ship	_____	Số phân cấp: Class Number	_____
Cảng đăng ký: Port of Registry	_____	Hô hiệu: Signal Letters	_____
Quốc tịch: Flag	_____	Ký hiệu cấp tàu: Class Characters:	_____
Tổng dung tích: Gross Tonnage	_____	Tổng công suất máy chính: Total Output of Main Engine(s)	_____
Năm và nơi đóng tàu: Year and Place of Build	_____		
Chủ tàu: Shipowner	_____		

(TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM) XÁC NHẬN RẰNG:
(NAME OF RECOGNIZED ORGANIZATION) CERTIFIES THATTại đợt thử lực kéo tại móc tiến hành ngày: _____ tại: _____
During the bollard pull test carried out on: _____ at _____Tàu kéo nói trên đã đạt được các trị số lực kéo tại móc như sau:
The above-named tug attained the following values of the bollard pulls:Lực kéo lớn nhất tại móc _____ (kN)
Maximum bollard pullLực kéo đều tại móc _____ (kN)
Steady bollard pullCấp tại: _____ Ngày: _____
Issued at _____ on _____**(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)**

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU THUYỀN**

Tên tàu: Số ĐKHC:

Số đăng kiểm: Nơi đăng kiểm:

Chủ tàu:

Địa chỉ:

Năm đóng/hoán cải:.....

Kích thước cơ bản: $L_{wl} \times B_{wl} \times D_{wl} \times d$ m

$L_{max} \times B_{max}$m; Tổng dung tích:.....

Lượng chở khách(người) Số lượng thuyền viên.....(người)

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng du thuyền với các hạn chế thường xuyên và các đặc tính khác như sau:

Dấu hiệu cấp thân tàu:

Dấu hiệu cấp máy tàu:

Các đặc tính khác:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm.....

Cấp tại....., ngàytháng.....năm

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

THÂN TÀU VÀ THIẾT BỊ

Vật liệu thân tàu: Vật liệu thượng tầng/lầu:

Chiều dày vỏ tàu:

Đáy:mm Mạn:mm

Số vách kín nước:

Khối lượng neo:

Neo số 1:(kg) Neo số 2:(kg)

Chiều dài xích neo:

Neo số 1:(m) Neo số 2:(m)

Lái chính kiểu:

Lái phụ kiểu:

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài:(m)

Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:

Chiều cao cột buồm chính:

MÁY CHÍNH

Số lượng, kiểu máy:

Năm và nơi sản xuất:

Tổng công suất:(kW)

Vòng quay:(vòng/phút)

Hộp số kiểu:

MÁY PHỤ

Số lượng, loại máy:

Năm và nơi sản xuất:

Công suất:(kW) Vòng quay:(vòng/phút)

Công dụng:

TRỤC CHÂN VỊT VÀ CHÂN VỊT

Đường kính trục:mm Số lượng và vật liệu:

Đường kính chân vịt:mm Số lượng và vật liệu:

Số cánh chân vịt:

BÌNH KHÔNG KHÍ NÉN

Số lượng và dung tích bình:

Năm và nơi sản xuất:

Áp suất làm việc:(kg/cm²)

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát: Tổng công suất:(kVA/kW)

Số lượng và tổng dung lượng ắc qui:(Ah)

TRANG BỊ CHỮA CHÁY

Bơm nước:

Số lượng: Lưu lượng:m³/h

Bình bọt:bình Bình CO₂:bình

☐ Rỗng vải ☐ Xô múc nước ☐ Cát

☐ Xéng ☐ Bạt ☐ Rìu

☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:

Số lượng và sức chở:người

Dụng cụ nổi:

Số lượng và sức chở:người

Phao tròn:chiếc Phao áo:chiếc

TÍN HIỆU VÀ VẬT HIỆU

Còi hơi: Còi điện:

Đèn hành hải: ☐ Trắng ☐ Xanh ☐ Đỏ

☐ Đèn pha ☐ Đèn lai dẹt ☐ Đèn neo

Vật hiệu: ☐ Hình cầu ☐ Hình nón ☐ Giỏ

Số lượng pháo hiệu các loại:

THIẾT BỊ HÀNH HẢI

☐ La bàn từ ☐ GPS ☐ Bộ tác nghiệp hải đồ

☐ Đồng hồ bấm giây ☐ Ống nhòm ☐ Đo sâu bằng tay

☐ Thước đo độ nghiêng ☐ Hải đồ vùng tàu chạy

☐ Các thiết bị khác:

THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Thiết bị MF/HF

☐ Bộ thu phát vô tuyến điện thoại VHF với bộ giải mã DSC

☐ Vô tuyến điện thoại hai chiều VHF

THIẾT BỊ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM

.....

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN CỠ NHỎ**

Tên tàu: Số ĐKHC:

Số đăng kiểm: Nơi đăng kiểm:

Chủ tàu:

Địa chỉ:

Năm đóng/hoán cải:.....

Kích thước cơ bản: L x B x D x dm

L_{\max} x B_{\max}m; Tổng dung tích:.....

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu biển cỡ nhỏ với vùng hoạt động và các đặc tính khác như sau:

Vùng hoạt động:

Các đặc tính khác:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm.....

Cấp tại....., ngàytháng.....năm

(TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM)

THÂN TÀU VÀ THIẾT BỊ

Vật liệu thân tàu: Vật liệu thượng tầng/lầu:
 Chiều dày vỏ tàu:
 Đáy:mm Mạn:mm
 Số vách kín nước:
 Khối lượng neo:
 Neo số 1:(kg) Neo số 2:(kg)
 Chiều dài cáp neo:
 Cáp neo số 1:(m) Cáp neo số 2:(m)
 Lái chính kiểu:
 Lái sự cố kiểu:
 Thiết bị chằng buộc:
 Dây buộc: Loại: Số lượng:

HỆ ĐỘNG LỰC CHÍNH

Số lượng, kiểu máy:
 Năm và nơi sản xuất:
 Tổng công suất:(kW)
 Vòng quay:(vòng/phút)
 Hộp số kiểu:
 Tổng diện tích buồm:

MÁY PHỤ

Số lượng, loại máy:
 Năm và nơi sản xuất:
 Tổng công suất:(kW) Vòng quay:(vòng/phút)

TRỤC CHÂN VỊT VÀ CHÂN VỊT

Đường kính trục:mm Số lượng và vật liệu:
 Đường kính chân vịt:mm Số lượng và vật liệu:
 Số cánh chân vịt:

BÌNH KHÔNG KHÍ NÉN

Số lượng và dung tích bình:
 Năm và nơi sản xuất:
 Áp suất làm việc:(kg/cm²)

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát: Tổng công suất:(kVA/kW)
 Số lượng và tổng dung lượng ắc quy:(Ah)

TRANG BỊ CHỮA CHÁY

Bơm chữa cháy:
 Số lượng: Lưu lượng:m³/h
 Bình chữa cháy xách tay (số lượng x loại):
☐ Vòi rồng ☐ Xô múc nước ☐ Chăn
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:
 Số lượng và sức chở:người
 Dụng cụ nổi:
 Số lượng và sức chở:người
 Phao tròn:chiếc Phao áo:chiếc
 Pháo dù:chiếc Đuốc cầm tay:chiếc
 Tín hiệu khói:chiếc EPIRB:chiếc
 SART:chiếc

TÍN HIỆU VÀ VẬT HIỆU

Còi hơi: Còi điện:
 Đèn hành hải: ☐ Trắng ☐ Xanh ☐ Đỏ
☐ Đèn pha ☐ Đèn lai dẹt ☐ Đèn neo
 Vật hiệu: ☐ Hình cầu ☐ Hình nón ☐ Hình thoi

THIẾT BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ La bàn dùng điện ☐ Ấn phẩm hàng hải
☐ Đèn tín hiệu ban ngày ☐ Phản xạ ra đa ☐ Máy đo gió
☐ Máy đo độ nghiêng ☐ Đèn pha ☐ Dụng cụ cắt dây
☐ Dụng cụ đo sâu
☐ Các thiết bị khác:

THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Inmarsat (hoặc thiết bị MF/HF với DSC) ☐ NAVTEX
☐ MF SSB với DSC ☐ VHF cố định
☐ VHF cầm tay

